



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên (từ ngày 26/6/2020)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020)
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020)
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành (từ ngày 1/1/2020)
	Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2021

00112  
CÔNG  
ÁCH NHIỆ  
KP.  
TỰ LIỆ



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TH  
TY  
HỮ  
IG  
1-1



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00270-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>903.874.975.508</b>	<b>894.705.391.659</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>
Tiền	111		4.769.925.915	16.093.433.378
Các khoản tương đương tiền	112		27.209.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.357.800.000</b>	<b>15.283.145.329</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	24.357.800.000	15.283.145.329
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>348.912.806.303</b>	<b>247.466.510.946</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	328.293.580.969	198.776.499.124
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.151.453.649	29.719.519.474
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		591.200.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.381.647.297	23.599.161.137
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(5.540.350.289)	(5.239.868.789)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.274.677	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>465.224.592.977</b>	<b>581.752.111.087</b>
Hàng tồn kho	141		469.854.979.554	582.229.097.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.630.386.577)	(476.986.153)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.400.850.313</b>	<b>34.110.190.919</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	6.262.364.210	8.128.995.064
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.138.486.103	25.981.195.855

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>622.602.219.739</b>	<b>636.701.895.689</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.165.096.000</b>	<b>4.384.390.930</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		710.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		454.896.000	3.374.190.930
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>510.979.330.930</b>	<b>492.643.538.690</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	509.739.561.698	491.362.742.109
Nguyên giá	222		1.446.173.345.962	1.321.349.755.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(936.433.784.264)	(829.987.013.418)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.239.769.232	1.280.796.581
Nguyên giá	228		10.308.304.109	9.485.881.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.068.534.877)	(8.205.085.192)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.708.155.197</b>	<b>34.574.549.250</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.708.155.197	34.574.549.250
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>85.882.976.572</b>	<b>85.152.013.769</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(25.049.625.428)	(25.780.588.231)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.866.661.040</b>	<b>19.947.403.050</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	20.866.661.040	19.947.403.050
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.526.477.195.247</b>	<b>1.531.407.287.348</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.084.681.934.024</b>	<b>1.081.121.891.600</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>858.784.280.099</b>	<b>830.326.304.679</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	194.902.149.019	222.237.728.716
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.068.610.755	5.873.194.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.790.972.826	7.575.453.664
Phải trả người lao động	314		230.636.580.011	285.792.259.695
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.041.127.905	3.885.294.131
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.090.909.090	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	19.156.055.225	14.492.651.302
Vay ngắn hạn	320	18(a)	293.574.083.910	220.286.814.127
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	72.523.791.358	70.182.908.271
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>225.897.653.925</b>	<b>250.795.586.921</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Vay dài hạn	338	18(b)	215.156.893.973	238.906.027.334
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>441.795.261.223</b>	<b>450.285.395.748</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>441.795.261.223</b>	<b>450.285.395.748</b>
Vốn cổ phần	411	21	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	128.382.421.384	110.084.210.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.412.839.839	115.201.185.018
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.193.614.548	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.219.225.291	115.201.185.018
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.526.477.195.247</b>	<b>1.531.407.287.348</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

 

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.063.261.637.598	4.043.727.518.418
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		949.307.105	919.769.881
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.062.312.330.493</b>	<b>4.042.807.748.537</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.841.994.009.616	3.732.282.608.293
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>220.318.320.877</b>	<b>310.525.140.244</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.730.696.611	26.892.344.573
Chi phí tài chính	22	27	20.176.891.980	36.918.039.426
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.413.767.697	24.815.698.008
Chi phí bán hàng	25	28	67.508.676.261	72.747.925.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	92.770.210.634	106.994.590.897
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>64.593.238.613</b>	<b>120.756.929.350</b>
Thu nhập khác	31	30	2.824.063.643	1.763.703.791
Chi phí khác	32	31	2.883.254.527	1.842.318.031
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(59.190.884)</b>	<b>(78.614.240)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>64.534.047.729</b>	<b>120.678.315.110</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.314.822.438	5.477.130.092
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>57.219.225.291</b>	<b>115.201.185.018</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>64.534.047.729</b>	<b>120.678.315.110</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		122.085.337.050	144.567.123.738
Các khoản dự phòng	03		3.722.919.121	6.800.465.470
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		523.512.991	(491.235.300)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.128.797.218)	(4.524.542.829)
Chi phí lãi vay	06		13.413.767.697	24.815.698.008
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>199.150.787.370</b>	<b>291.845.824.197</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(102.282.646.237)	36.316.186.875
Biến động hàng tồn kho	10		112.374.117.686	135.745.682.227
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(51.299.973.424)	32.772.902.263
Biến động chi phí trả trước	12		2.037.689.687	(4.745.235.716)
			<b>159.979.975.082</b>	<b>491.935.359.846</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.417.991.892)	(25.025.196.540)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.330.595.574)	(6.108.323.686)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		280.116.099	310.144.999
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.398.592.828)	(7.552.905.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>133.112.910.887</b>	<b>453.559.078.987</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.388.894.373)	(108.726.712.401)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		875.330.727	285.545.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.305.000.000)	(1.567.465.246)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		19.550.345.329	825.300.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(47.970.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.646.694.823	2.465.156.117
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(110.621.523.494)</b>	<b>(154.688.176.076)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

**Mẫu B 03 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.416.676.193.087	2.853.912.357.391
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.367.300.443.672)	(3.103.375.011.916)
Tiền trả cổ tức	36		(56.058.350.947)	(56.161.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.682.601.532)</b>	<b>(305.624.383.025)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>15.808.785.861</b>	<b>(6.753.480.114)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>16.093.433.378</b>	<b>22.653.298.944</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>76.706.676</b>	<b>193.614.548</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:





Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 8.751 nhân viên (1/1/2020: 9.243 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	58.097.500	48.483.000
Tiền gửi ngân hàng	4.711.828.415	16.044.950.378
Các khoản tương đương tiền (i)	27.209.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,5% đến 4,0% tại các ngân hàng thương mại.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,9% (2019: từ 6,2% đến 7,7%).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2020				1/1/2020					
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
<b>Công ty con</b>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.406.845.655)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(2.303.967.220)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.097.985.065)	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.183.461.654)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(52.526.485)	-	100%	100%	2.000.000.000	(103.601.930)
					92.748.900.000	(14.557.357.205)				92.748.900.000	(15.591.030.804)
<b>Công ty liên kết</b>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.790.455.319)
					10.428.000.000	(4.000.000.000)				10.428.000.000	(3.790.455.319)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	31/12/2020					1/1/2020				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đơn vị khác</b>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.492.268.223)					
					110.932.602.000	(25.049.625.428)					
					7.755.702.000	(6.399.102.108)					
					110.932.602.000	(25.780.588.231)					

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	78.078.624.227	-
Supreme International LLC	44.510.862.972	12.314.022.810
Haggar Clothing Co.	41.683.438.845	17.192.915.288
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	24.438.135.948	11.483.575.394
Haggar Canada Co.	24.148.352.799	10.190.165.438
Kuraray Trading Co., Ltd	13.948.063.314	14.279.004.420
Destination XL Group Inc	13.065.753.409	6.633.439.143
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	11.522.746.487	20.603.670.118
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Các khách hàng khác	76.897.602.968	49.681.554.205
	328.293.580.969	198.776.499.124

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản phải thu khách hàng nào (1/1/2020: 161.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	83.811.334	182.883.842
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	24.438.135.948	11.483.575.394
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	164.715.800	133.128.055
	24.686.663.082	11.799.587.291

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.954.777.668	20.148.452.031
Tạm ứng	551.970.821	838.622.071
Phải thu khác	1.874.898.808	2.612.087.035
	<hr/>	<hr/>
	5.381.647.297	23.599.161.137
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2020			Thời gian quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
		<u>6.241.473.789</u>	<u>(5.540.350.289)</u>	<u>701.123.500</u>		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
			<u>(5.540.350.289)</u>				<u>(5.239.868.789)</u>	
Dự phòng phải thu khó đòi								



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	46.721.220.081	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	109.744.922.498	-	131.806.812.804	-
Công cụ và dụng cụ	2.267.538.947	-	272.269.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	179.244.369.392	-	253.102.387.481	-
Thành phẩm	90.986.785.236	(4.458.136.712)	115.126.808.300	(476.986.153)
Hàng hóa	4.493.090.254	-	3.776.301.534	-
Hàng gửi đi bán	36.397.053.146	(172.249.865)	16.226.967.128	-
	<b>469.854.979.554</b>	<b>(4.630.386.577)</b>	<b>582.229.097.240</b>	<b>(476.986.153)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 20.315 triệu VND (1/1/2020: 2.101 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 362.138 triệu VND (1/1/2020: 265.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	281.291.392.471	905.639.983.730	37.867.123.965	6.788.550.282	89.762.705.079	1.321.349.755.527
Tăng trong năm	893.294.316	13.097.863.785	1.792.620.038	74.000.000	897.240.148	16.755.018.287
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.449.649.745	32.120.018.405	17.842.681.438	676.052.346	69.300.000	124.157.701.934
Thanh lý	-	(14.832.449.390)	(64.277.775)	(80.890.945)	-	(14.977.618.110)
Giảm khác	(1.111.511.676)	-	-	-	-	(1.111.511.676)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>354.522.824.856</b>	<b>936.025.416.530</b>	<b>57.438.147.666</b>	<b>7.457.711.683</b>	<b>90.729.245.227</b>	<b>1.446.173.345.962</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	119.130.159.107	617.112.612.254	27.889.304.565	5.399.228.297	60.455.709.195	829.987.013.418
Khấu hao trong năm	16.343.152.529	90.486.859.114	3.243.143.449	682.373.449	10.466.358.824	121.221.887.365
Thanh lý	-	(14.645.297.967)	(27.732.754)	(80.890.945)	-	(14.753.921.666)
Giảm khác	(21.194.853)	-	-	-	-	(21.194.853)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>135.452.116.783</b>	<b>692.954.173.401</b>	<b>31.104.715.260</b>	<b>6.000.710.801</b>	<b>70.922.068.019</b>	<b>936.433.784.264</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	162.161.233.364	288.527.371.476	9.977.819.400	1.389.321.985	29.306.995.884	491.362.742.109
Số dư cuối năm	219.070.708.073	243.071.243.129	26.333.432.406	1.457.000.882	19.807.177.208	509.739.561.698

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 565.571 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 457.925 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 274.014 triệu VND (1/1/2020: 300.147 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	9.485.881.773
Tăng trong năm	822.422.336
	10.308.304.109
<b>Số dư cuối năm</b>	
	10.308.304.109
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.205.085.192
Khấu hao trong năm	863.449.685
	9.068.534.877
<b>Số dư cuối năm</b>	
	9.068.534.877
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.280.796.581
Số dư cuối năm	1.239.769.232

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.494 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 3.895 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
Số dư đầu năm	34.574.549.250	700.431.824
Tăng trong năm	93.291.307.881	84.085.846.019
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(124.157.701.934)	(50.211.728.593)
	3.708.155.197	34.574.549.250
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.708.155.197</b>	<b>34.574.549.250</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Nhà máy May Triệu Phong	2.363.605.351	339.482.363
Máy móc thiết bị sợi	575.750.000	4.442.285.100
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	-	2.841.983.614
Các công trình khác	768.799.846	608.525.460
	<b>3.708.155.197</b>	<b>34.574.549.250</b>

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	1.212.069.547	1.273.613.628
Công cụ và dụng cụ	2.118.749.562	1.933.789.593
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	742.175.166	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.189.369.935	4.332.702.955
	<b>6.262.364.210</b>	<b>8.128.995.064</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	12.406.111.463	7.541.291.587	19.947.403.050
Tăng trong năm	9.349.710.566	3.648.374.422	12.998.084.988
Phân bổ trong năm	(9.148.911.286)	(2.929.915.712)	(12.078.826.998)
Số dư cuối năm	<b>12.606.910.743</b>	<b>8.259.750.297</b>	<b>20.866.661.040</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
Viterra B.V	12.365.622.756	-
Hultafors Group AB	12.009.223.239	26.352.941.612
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Phương Đông	9.363.864.900	-
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	8.354.163.269	10.607.188.352
Multi-Fiber Handels GmbH	8.302.486.916	-
Devcot S.A	7.459.357.394	8.445.135
Motives International (Hong Kong) Limited	7.140.332.328	-
Fujian Jing Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	4.088.507.674	4.427.898.042
Công ty TNHH Thương mại – Sản xuất Bao Bì Hải Vương	4.068.564.372	4.565.485.391
Carreman International Corporation	392.528.610	10.270.057.281
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Các nhà cung cấp khác	92.150.084.820	106.916.655.162
	194.902.149.019	222.237.728.716

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hoà Thọ	298.894.535	530.019.630
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.173.676.976	3.334.000.925
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	103.455.000
	32.679.984.252	46.765.634.257

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.821.671.181	93.179.478.234	(92.052.196.841)	6.948.952.574
Thuế nhập khẩu	16.162.399	635.827.803	(498.034.460)	153.955.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.344.551	7.314.822.438	(6.330.595.574)	2.588.571.415
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	3.115.286.308	(3.149.068.746)	99.493.095
Tiền thuê đất	-	3.984.142.711	(3.984.142.711)	-
Các loại thuế khác	-	1.989.633.517	(1.989.633.517)	-
	7.575.453.664	110.219.191.011	(108.003.671.849)	9.790.972.826

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hoạt động	2.117.493.080	2.110.528.724
Chi phí lãi vay	152.031.851	156.256.046
Các khoản trích trước khác	1.771.602.974	1.618.509.361
	4.041.127.905	3.885.294.131

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	14.738.128.892	11.403.989.363
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	168.706.830	169.689.715
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	311.000.301	46.573.547
Cổ tức phải trả	985.785.100	794.136.047
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	763.983.681	755.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.188.450.421	1.322.776.752
	19.156.055.225	14.492.651.302

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND			
Vay ngắn hạn	186.235.161.933	2.416.676.193.087	(2.333.248.791.711)	419.507.449	270.082.070.758		
Vay dài hạn đến hạn trả	34.051.652.194	23.517.323.227	(34.051.651.961)	(25.310.308)	23.492.013.152		
	220.286.814.127	2.440.193.516.314	(2.367.300.443.672)	394.197.141	293.574.083.910		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,7%	110.137.931.723	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,9%	60.270.102.318	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,0%	-	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,75%	18.590.292.990	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	1,75%	73.124.475.103	20.360.832.675
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,6%	7.779.268.624	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	180.000.000	180.000.000
			270.082.070.758	186.235.161.933

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	238.648.907.125	272.957.679.528
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(23.492.013.152)	(34.051.652.194)
	215.156.893.973	238.906.027.334

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	7.265.857.614	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	629.624.297	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	913.199.685	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	11.633.967.686	17.630.753.393
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	4.640.800.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	213.565.457.843	217.486.346.687
				238.648.907.125	272.957.679.528

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	70.182.908.271	53.823.477.760
Trích lập trong năm	9.459.359.816	23.602.191.144
Tăng khác	280.116.099	310.144.999
Sử dụng trong năm	(7.398.592.828)	(7.552.905.632)
Số dư cuối năm	<u>72.523.791.358</u>	<u>70.182.908.271</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	115.201.185.018	115.201.185.018
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	57.219.225.291	57.219.225.291
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>31/12/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.500.000	225.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>31/12/2020 và 1/1/2020</b>		
	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	23.123.304.931	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	93.210.006.385	92.392.595.877
Sau năm năm	128.208.179.536	143.821.017.920
	<b>244.541.490.852</b>	<b>258.912.804.553</b>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	121.571	2.798.346.880	44.572	1.029.972.167
EUR	221	6.180.872	233	6.002.634
		<b>2.804.527.752</b>		<b>1.035.974.801</b>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.100.000.000	69.860.000.000
	<b>51.100.000.000</b>	<b>69.860.000.000</b>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	2.454.694.823	2.465.156.117
Cổ tức được chia	1.799.000.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.415.884.964	22.069.218.207
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	491.235.300
Chiết khấu thanh toán	61.116.824	67.734.949
	<hr/>	<hr/>
	24.730.696.611	26.892.344.573
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.413.767.697	24.815.698.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.970.574.095	5.778.862.101
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	523.512.991	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(730.962.803)	6.323.479.317
	<hr/>	<hr/>
	20.176.891.980	36.918.039.426
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	3.536.370.016	4.315.390.067
Chi phí vật liệu, bao bì	436.030.623	582.488.009
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	653.970.923	264.826.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.323.709.052	54.598.795.347
Chi phí khác	11.558.595.647	12.986.425.714
	<hr/>	<hr/>
	67.508.676.261	72.747.925.144
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	45.134.447.518	56.206.378.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.891.044.807	2.741.636.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.451.539.759	8.640.113.025
Thuế, phí và lệ phí	3.410.920.238	3.148.441.719
Dự phòng phải thu khó đòi	300.481.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.910.384.032	16.693.015.696
Chi phí khác	17.671.392.780	19.565.004.756
	92.770.210.634	106.994.590.897
	92.770.210.634	106.994.590.897

**30. Thu nhập khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	875.102.395	260.386.712
Các khoản thu nhập khác	1.948.961.248	1.503.317.079
	2.824.063.643	1.763.703.791
	2.824.063.643	1.763.703.791

**31. Chi phí khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	1.989.714.367	932.635.116
Các khoản chi phí khác	893.540.160	909.682.915
	2.883.254.527	1.842.318.031
	2.883.254.527	1.842.318.031

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.448.460.235.547	2.162.522.779.554
Chi phí nhân viên	851.054.128.650	1.017.023.796.653
Chi phí khấu hao và phân bổ	122.085.337.050	144.567.123.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	455.567.057.438	520.296.033.466

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.534.047.729	120.678.315.110
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.453.404.773	12.067.831.511
Ưu đãi thuế	-	(5.215.302.607)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	615.163.969	421.989.242
Chi phí không được khấu trừ thuế	325.526.410	231.385.545
Thu nhập không bị tính thuế	(179.900.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	(180.385.000)	(582.151.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	281.012.286	(1.266.722.599)
	<b>7.314.822.438</b>	<b>5.477.130.092</b>

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.747.573.455	3.170.982.016
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.845.459.612	39.084.103.694
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	5.217.602.623	8.907.977.164
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.354.998.452	5.297.901.058
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.182.248.537	3.397.275.983
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	548.360.269	391.974.761
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.051.366.550	50.092.779.510
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	752.771.643	911.943.303
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.033.090.798	59.032.629.255
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	73.243.601.977	108.270.906.154
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.233.458.384	5.290.952.603
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	37.097.091	54.722.909
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.757.748.932	8.334.548.114
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	410.056.036	91.907.845
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.314.662.576	83.166.271.692
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.607.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.140.822.987	752.330.599
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.604.480.429	70.817.115.352
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.781.193	1.186.842.913
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.000.965.509	23.544.903.819



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	108.316.280
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.586.000	1.342.000.756
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.716.733.178	1.616.577.496
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	7.333.366.860	7.950.903.630
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	418.068.754	535.082.161
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	595.197.641	133.333.333
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	33.333.334	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	338.888.886	290.000.000
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	166.666.668	166.666.666

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.799.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc